



ĐẠI HỌC

Thông tin Tuyển sinh Đại học năm 2026

(27/02/2026)



**ĐẠI HỌC DUY TÂN - TOP 500 ĐẠI HỌC TỐT NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2026
THEO QS WORLD UNIVERSITY RANKINGS**
THÔNG TIN TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026
Mã trường: **DDT**

I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong nước và nước ngoài.

II. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp THPT, trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ NGUỒN TUYỂN:

Đại học Duy Tân tổ chức xét tuyển các phương thức tuyển sinh sau:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng thí sinh theo quy chế của Bộ GDĐT;
- **Phương thức 2:** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT 2026;
- **Phương thức 3:** Xét kết quả học tập THPT (xét học bạ) năm lớp 10, 11, 12;
- **Phương thức 4:** Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP HCM và kỳ thi V- SAT năm 2026, ngoại trừ ngành Kiến trúc, Thanh nhạc;
- **Phương thức 5:** Xét tuyển kết hợp điểm thi THPT với điểm thi năng khiếu;
- **Phương thức 6:** Xét tuyển kết hợp kết quả học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu.

Môn năng khiếu Thí sinh tham gia xét tuyển ngành Kiến trúc (Khối V), Thanh nhạc (Khối N00) có thể dùng kết quả thi môn Năng khiếu tại các cơ sở giáo dục đại học khác trong cả nước hoặc tham gia dự thi các môn Năng khiếu (khối V, khối N00) tại Đại học Duy Tân để xét tuyển.

+ Đăng ký dự thi môn Vẽ Mỹ thuật: [TẠI ĐÂY](#)



| NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026 | | | | | | |
|---|----------|---|-----------------|---|--|---|
| TT | MÃ NGÀNH | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | MÃ CHUYÊN NGÀNH | MÔN XÉT TUYỂN | | |
| | | | | Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406) | | |
| I TRƯỜNG KHOA HỌC MÁY TÍNH & TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (TOP 201-250 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://sca.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7480103 | Ngành Kỹ thuật Phần mềm có các chuyên ngành: <i>Công nghệ Phần mềm (Đạt kiểm định ABET)</i> | 102 | A00 A01 D01 C01 C02 X26 | Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin | |
| | | <i>Thiết kế Games và Multimedia</i> | 122 | | | |
| | | <i>Công nghệ Phần mềm Ô tô Thông minh</i> | 131 | | | |
| 2 | 7480202 | Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành: <i>An toàn Thông tin</i> | 124 | | | |
| 3 | 7480101 | Ngành Khoa học Máy tính có các chuyên ngành: <i>Kỹ thuật Máy tính</i> | 128 | | | |
| | | <i>Khoa học Máy tính</i> | 130 | | | |
| 4 | 7480107 | Ngành Trí tuệ Nhân tạo có chuyên ngành: <i>Trí tuệ Nhân tạo (HP)</i> | 121(HP) | | | |
| 5 | 7460108 | Ngành Khoa học Dữ liệu có chuyên ngành: <i>Big Data & Machine Learning (HP)</i> | 115(HP) | | | |
| 6 | 7480102 | Ngành Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) | | | | |
| | | <i>Kỹ thuật Mạng</i> | 101 | | | |
| | | <i>Mạng Máy tính & Truyền thông Dữ liệu</i> | 140 | | | |
| II TRƯỜNG CÔNG NGHỆ & KỸ THUẬT (TOP 251-300 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://set.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7510301 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) | | A00 A01 D01 C01 C02 X26 | Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin | |
| | | <i>Điện tử-Viễn thông</i> | 109 | | | |
| | | <i>Điện-Điện tử chuẩn PNU</i> | 113(PNU) | | | |
| | | <i>Thiết kế Vi mạch Bán dẫn</i> | 127 | | | |
| | | <i>Điện tử Viễn thông Hàng không</i> | 143 | | | |
| 2 | 7510205 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có các chuyên ngành: <i>Công nghệ Kỹ thuật Ô tô</i> | 117 | | | |
| | | <i>Công nghệ Ô tô Điện</i> | 141 | | | |
| | | <i>Điện Cơ Ô tô</i> | 145 | | | |
| 3 | 7520216 | Ngành Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa có các chuyên ngành: <i>Điện Tự động</i> | 110 | | | |
| | | <i>Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa</i> | 118 | | | |
| 4 | 7520114 | Ngành Kỹ thuật Cơ Điện tử có chuyên ngành*: <i>Cơ Điện tử chuẩn PNU</i> | 112(PNU) | | | |
| 5 | 7520201 | Ngành Kỹ thuật Điện có chuyên ngành: <i>Kỹ thuật Điện</i> | 150 | | | |
| 6 | 7510202 | Ngành Công nghệ Chế tạo Máy có chuyên ngành: <i>Công nghệ Chế tạo Máy</i> | 125 | | | |
| 7 | 7210403 | Ngành Thiết kế Đồ họa có các chuyên ngành: <i>Thiết kế Đồ họa</i> | 111 | | | A00 (Toán, Lý, Hóa) ; A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); C02 (Văn, Toán, Hóa); V01 (Toán, Văn, Vẽ) |
| | | <i>Thiết kế Đồ họa & AI</i> | 111(AI) | | | |
| | | <i>Thiết kế Mỹ thuật số</i> | 129 | | | |
| 8 | 7210404 | Ngành Thiết kế Thời trang có các chuyên ngành: <i>Thiết kế Thời trang</i> | 119 | | | |
| | | <i>Thiết kế Thời trang & AI</i> | 119(AI) | | | |
| 9 | 7580101 | Ngành Kiến trúc có các chuyên ngành: <i>Kiến trúc Công trình</i> | 107 | | | |
| | | <i>Kiến trúc Công trình & AI</i> | 107(AI) | V00 (Toán, Lý, Vẽ); V01 (Toán, Văn, Vẽ); V02 (Toán, Anh, Vẽ); V06 (Toán, Địa, Vẽ) | | |
| 10 | 7580103 | Ngành Kiến trúc Nội thất có các chuyên ngành*: <i>Thiết kế Nội thất</i> | 123 | | | |
| | | <i>Thiết kế Nội thất & AI</i> | 123(AI) | | | |
| 11 | 7580201 | Ngành Kỹ thuật Xây dựng có các chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) | | A00 (Toán, Lý, Hóa); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); A01 (Toán, Lý, Anh); X06 (Toán, Lý, Tin); X07 (Toán, Lý, Công nghệ) | | |
| | | <i>Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp</i> | 105 | | | |
| | | <i>Xây dựng Cầu đường</i> | 106 | | | |
| 12 | 7510102 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng có các chuyên ngành: <i>Công nghệ Quản lý Xây dựng</i> | 206 | | | |
| | | <i>Công nghệ Quản lý Xây dựng & AI</i> | 206(AI) | | | |
| 13 | 7510406 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường có chuyên ngành: <i>Kỹ thuật Môi trường</i> | 300 | | A00 (Toán, Lý, Hóa); B00 (Toán, Hóa, Sinh); B03 (Toán, Sinh, Văn); C01 (Văn, Toán, Lý); C02 (Văn, Toán, Hóa); A02 (Toán, Lý, Sinh) | |
| 14 | 7540101 | Ngành Công nghệ Thực phẩm có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) <i>Công nghệ Thực phẩm</i> | 306 | | | |
| 15 | 7850101 | Ngành Quản lý Tài nguyên & Môi trường có chuyên ngành: <i>Quản lý Tài nguyên & Môi trường</i> | 307 | | | |
| 16 | 7210205 | Ngành Thanh nhạc có chuyên ngành: <i>Thanh nhạc & Sản xuất Âm nhạc</i> | 901 | | | N00 (Ngữ văn, Năng khiếu 1, Năng khiếu 2) |

ĐẠI HỌC DUY TÂN 1 TRONG 13 ĐẠI HỌC CỦA VIỆT NAM



| NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026 | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|--|
| TT | MÃ NGÀNH | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | MÃ CHUYÊN NGÀNH | MÔN XÉT TUYỂN | | |
| | | | | Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406) | | |
| III TRƯỜNG KINH TẾ & KINH DOANH (TOP 351-400 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://sbe.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7340101 | Ngành Quản trị Kinh doanh có các chuyên ngành: | Quản trị Kinh doanh Tổng hợp | 400 | A00 A01 D01 C01 A07 X01 | Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Toán, Sử, Địa Văn, Toán, GDKT&PL |
| | | | Quản trị Kinh doanh Tổng hợp & AI | 400(AI) | | |
| | | | Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Ngoại thương) | 411 | | |
| | | | Quản trị Kinh doanh Bất động sản | 415 | | |
| | | | Quản trị Kinh doanh Bất động sản & AI | 415(AI) | | |
| 2 | 7340122 | Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành: | Thương mại Điện tử | 422 | | |
| 3 | 7340404 | Ngành Quản trị Nhân lực có chuyên ngành: | Quản trị Nhân lực | 417 | | |
| 4 | 7510605 | Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi Cung ứng có các chuyên ngành: Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng | Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng | 416 | | |
| | | | Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng & AI | 416(AI) | | |
| 5 | 7340115 | Ngành Marketing có các chuyên ngành: | Quản trị Kinh doanh Marketing | 401 | | |
| | | | Digital Marketing | 402 | | |
| 6 | 7340121 | Ngành Kinh doanh Thương mại có chuyên ngành: | Kinh doanh Thương mại | 412 | | |
| 7 | 7340201 | Ngành Tài chính - Ngân hàng có các chuyên ngành: | Tài chính Doanh nghiệp | 403 | | |
| | | | Tài chính Doanh nghiệp & AI | 403(AI) | | |
| | | | Ngân hàng | 404 | | |
| | | | Ngân hàng & AI | 404(AI) | | |
| 8 | 7310104 | Ngành Kinh tế Đầu tư có các chuyên ngành: | Đầu tư Tài chính | 433 | | |
| | | | Kinh tế Quốc tế | 418 | | |
| 9 | 7340301 | Ngành Kế toán có các chuyên ngành: | Kế toán Doanh nghiệp | 406 | | |
| | | | Kế toán Doanh nghiệp & AI | 406(AI) | | |
| | | | Kế toán Quản trị (HP) | 406(HP) | | |
| 10 | 7340302 | Ngành Kiểm toán có chuyên ngành: | Kế toán-Kiểm toán | 405 | | |
| 11 | 7340205 | Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành: | Công nghệ Tài chính (Fintech) | 435 | | |
| IV TRƯỜNG NGÔN NGỮ & XÃ HỘI NHÂN VĂN (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2026) - https://lhss.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7220201 | Ngành Ngôn ngữ Anh có các chuyên ngành: | Tiếng Anh Biên-Phiên dịch | 701 | D01 D09 D14 D15 A01 D10 | Văn, Toán, Anh Toán, Sử, Anh Văn, Sử, Anh Văn, Địa, Anh Toán, Lý, Anh Toán, Địa, Anh |
| | | | Tiếng Anh Biên-Phiên dịch & AI | 701(AI) | | |
| | | | Tiếng Anh Du lịch | 702 | | |
| | | | Tiếng Anh Thương mại | 801 | | |
| 2 | 7220204 | Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có các chuyên ngành: | Tiếng Trung Biên-Phiên dịch | 703 | | |
| | | | Tiếng Trung Biên-Phiên dịch & AI | 703(AI) | | |
| | | | Tiếng Trung Du lịch | 707 | | |
| 3 | 7220210 | Ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc có các chuyên ngành: | Tiếng Hàn Biên-Phiên Dịch | 705 | | |
| | | | Tiếng Hàn Biên-Phiên Dịch & AI | 705(AI) | | |
| | | | Tiếng Hàn Du lịch | 706 | | |
| 4 | 7220209 | Ngành Ngôn ngữ Nhật có các chuyên ngành: | Tiếng Nhật Biên-Phiên Dịch | 704 | | |
| | | | Tiếng Nhật Biên-Phiên Dịch & AI | 704(AI) | | |
| | | | Tiếng Nhật Du lịch | 708 | | |
| | | | Tiếng Nhật Thương mại | 804 | | |
| 5 | 7229030 | Ngành Văn học có chuyên ngành: | Văn Báo chí | 601 | | |
| 6 | 7310630 | Ngành Việt Nam học có chuyên ngành: | Việt Nam học | 600 | | |
| 7 | 7320104 | Ngành Truyền thông Đa phương tiện có các chuyên ngành: | Truyền thông Đa phương tiện | 607 | | |
| | | | Truyền thông số & Quảng cáo | 615 | | |

ĐẠI HỌC DUY TÂN 1 TRONG 13 ĐẠI HỌC CỦA VIỆT NAM


TOP 500 ĐẠI HỌC TỐT NHẤT THẾ GIỚI THEO QS WORLD UNIVERSITY RANKINGS 2026

| NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026 | | | | | | |
|--|---------------------------------------|--|--|--|--|--|
| TT | MÃ NGÀNH | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | MÃ CHUYÊN NGÀNH | MÔN XÉT TUYỂN | | |
| | | | | Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406) | | |
| 8 | 7310206 | Ngành Quan hệ Quốc tế có các chuyên ngành: | Quan hệ Quốc tế (Tiếng Trung) | 603 | C00 D01 C03 C04 D14 D15 | Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Sử, Anh Văn, Địa, Anh |
| | | | Quan hệ Quốc tế (Tiếng Anh) | 608 | | |
| | | | Quan hệ Quốc tế (HP) | 608(HP) | | |
| 9 | 7320108 | Ngành Quan hệ Công chúng có các chuyên ngành: | Quan hệ Công chúng | 610 | | |
| | | | Quan hệ Công chúng & AI | 610(AI) | | |
| 10 | 7380107 | Ngành Luật Kinh tế có các chuyên ngành: | Luật Kinh tế | 609 | | |
| | | | Luật Kinh doanh (HP) | 609(HP) | | |
| 11 | 7380101 | Ngành Luật có chuyên ngành: | Luật học | 606 | | |
| V TRƯỜNG DU LỊCH (TOP 51-100 THẾ GIỚI THEO QS RANKINGS 2025) - https://dtu-hti.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7810201 | Ngành Quản trị Khách sạn có các chuyên ngành: | Quản trị Du lịch & Khách sạn | 407 | | |
| | | | Quản trị Khách sạn Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.TedQual) | 414(PSU) | | |
| 2 | 7810103 | Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch & Lữ hành có các chuyên ngành: | Quản trị Du lịch & Lữ hành | 408 | A01 C00 D01 C03 C04 X01 | Toán, Lý, Anh Văn, Sử, Địa Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Sử Văn, Toán, Địa Văn, Toán, GD&T&PL |
| | | | Quản trị Du lịch & Lữ hành chuẩn PSU | 408(PSU) | | |
| | | | Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Anh) | 440 | | |
| | | | Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Hàn) | 441 | | |
| | | | Hướng dẫn Du lịch Quốc tế (tiếng Trung) | 442 | | |
| | Quản trị Du lịch & Dịch vụ Hàng không | 444 | | | | |
| 3 | 7340412 | Ngành Quản trị Sự kiện có chuyên ngành: | Quản trị Sự kiện & Giải trí | 413 | | |
| 4 | 7810202 | Ngành Quản trị Nhà hàng & Dịch vụ Ẩn uống có chuyên ngành: | | | | |
| | | | Quản trị Nhà hàng Quốc tế (PSU) (Đạt kiểm định UNWTO.TedQual) | 425(PSU) | | |
| 5 | 7810101 | Ngành Du lịch có các chuyên ngành: | Smart Tourism (Du lịch Thông minh) | 445 | | |
| | | | Du lịch Văn hóa | 448 | | |
| 6 | 7810501 | Ngành Kinh tế Gia đình có các chuyên ngành: | Quản trị Khởi nghiệp & Phát triển Kinh doanh | 426 | | |
| | | | Quản trị Khởi nghiệp & AI | 426(AI) | | |
| VI Y-DƯỢC DTU (TOP 401-500 THẾ GIỚI THEO TIMES HIGHER EDUCATION 2026) - https://cmp.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7720101 | Ngành Y Khoa có chuyên ngành: | Bác sĩ Đa khoa | 305 | A00 B00 B03 A02 D08 D07 | Toán, Lý, Hóa Toán, Hóa, Sinh Toán, Sinh, Văn Toán, Lý, Sinh Toán, Sinh, Anh Toán, Hóa, Anh |
| 2 | 7720501 | Ngành Răng-Hàm-Mặt có chuyên ngành: | Bác sĩ RĂNG-HÀM-MẶT | 304 | | |
| 3 | 7720301 | Ngành Điều dưỡng có chuyên ngành: | Điều dưỡng Đa khoa | 302 | | |
| 4 | 7720201 | Ngành Dược có các chuyên ngành: | Dược sỹ (Đại học) | 303 | | |
| 5 | 7420201 | Ngành Công nghệ Sinh học có chuyên ngành: | Công nghệ Sinh học | 310 | | |
| 6 | 7520212 | Ngành Kỹ thuật Y sinh có chuyên ngành: | Kỹ thuật Y sinh | 320 | | |
| | | | Kỹ thuật Y sinh & AI | 320(AI) | | |
| 7 | 7720601 | Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học có chuyên ngành: | Xét nghiệm Y học | 330 | | |
| VII CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN & QUỐC TẾ - ĐẠT KIỂM ĐỊNH ABET (MỸ) KHỞI NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - https://is.duytan.edu.vn | | | | | | |
| 1 | 7480103 | Ngành Kỹ thuật Phần mềm có chuyên ngành: | Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU (Đạt kiểm định ABET) | 102(CMU) | A00 A01 D01 C01 C02 X26 | Toán, Lý, Hóa Toán, Lý, Anh Văn, Toán, Anh Văn, Toán, Lý Văn, Toán, Hóa Toán, Anh, Tin |
| 2 | 7480202 | Ngành An toàn Thông tin có chuyên ngành: | An ninh Mạng chuẩn CMU | 116(CMU) | | |
| 3 | 7340405 | Ngành Hệ thống Thông tin Quản lý có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) | | 410(CMU) | | |
| | | | Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU | | | |
| 4 | 7340122 | Ngành Thương mại Điện tử có chuyên ngành: | Thương mại Điện tử chuẩn CMU | 422(CMU) | | |
| 5 | 7340101 | Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: | Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU | 400(PSU) | A00 (Toán, Lý, Hóa); A01 (Toán, Lý, Anh); D01 (Văn, Toán, Anh); C01 (Văn, Toán, Lý); A07 (Toán, Sử, Địa); X01 (Văn, Toán, GD&T&PL) | |
| 6 | 7340201 | Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành: | Tài chính-Ngân hàng chuẩn PSU | 404(PSU) | | |
| 7 | 7340205 | Ngành Công nghệ Tài chính có chuyên ngành: | Công nghệ Tài chính (Fintech) chuẩn PSU | 435(PSU) | | |
| 8 | 7340301 | Ngành Kế toán có chuyên ngành: | Kế toán-Kiểm toán chuẩn PSU | 405(PSU) | | |
| 9 | 7580201 | Ngành Kỹ thuật Xây dựng có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) | | 105(CSU) | A00, A01, C01, D01, X06 (Toán, Lý, Tin); X07 (Toán, Lý, Công nghệ) | |
| | | | Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU | | | |
| 10 | 7580101 | Ngành Kiến trúc có chuyên ngành: | Kiến trúc Công trình chuẩn CSU | 107(CSU) | V00, V01, V02, V06 | |


CÁC NGÀNH HỌC CỦA ĐẠI HỌC DUY TÂN ĐẠT KIỂM ĐỊNH ABET NIỀM MƠ ƯỚC CỦA NHIỀU TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM
 • KỸ THUẬT MẠNG • ĐIỆN-ĐIỆN TỬ • CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM • HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ • XÂY DỰNG • CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM


TOP 500 ĐẠI HỌC TỐT NHẤT THẾ GIỚI THEO QS WORLD UNIVERSITY RANKINGS 2026

| NGÀNH & CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH NĂM 2026 | | | | | |
|---|--------------|--|-----------------|--|--------------------|
| TT | MÃ NGÀNH | NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH | MÃ CHUYÊN NGÀNH | MÔN XÉT TUYỂN | |
| | | | | Kết quả thi THPT (100), Học bạ THPT (200), Kết quả thi V-SAT (402), Xét tuyển kết hợp (405, 406) | |
| VIII CHƯƠNG TRÌNH DU HỌC TẠI CHỖ LẤY BẰNG MỸ (ĐH TROY) - https://troy.edu.vn | | | | | |
| 1 | 7480101 (LK) | Ngành Khoa học Máy tính có chuyên ngành: <i>Khoa học Máy tính TROY</i> | 102(TROY) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 2 | 7340101 (LK) | Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: <i>Quản trị Kinh doanh TROY</i> | 400(TROY) | A00, A01, D01, C01, A07, X01 | |
| 3 | 7810201 (LK) | Ngành Quản trị Khách sạn có chuyên ngành: <i>Quản trị Du lịch & Khách sạn TROY</i> | 407(TROY) | A01, C00, D01, C03, C04, X01 | |
| IX CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG (QUẢN LÝ NAM KHUẾ) - https://smi.edu.vn | | | | | |
| 1 | 7340101 (HP) | Ngành Quản trị Kinh doanh có chuyên ngành: <i>Quản trị Doanh nghiệp (HP)</i> | 400(HP) | A00 | Toán, Lý, Hóa |
| 2 | 7340115 (HP) | Ngành Marketing có chuyên ngành: <i>Quản trị Marketing & Chiến lược (HP)</i> | 401(HP) | A01 | Toán, Lý, Anh |
| 3 | 7340201 (HP) | Ngành Tài chính-Ngân hàng có chuyên ngành: <i>Quản trị Tài chính (HP)</i> | 403(HP) | D01 | Văn, Toán, Anh |
| 4 | 7510605 (HP) | Ngành Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng có chuyên ngành: <i>Logistics & Quản lý Chuỗi cung ứng (HP)</i> | 416(HP) | C01 | Văn, Toán, Lý |
| | | | | A07 | Toán, Sử, Địa |
| | | | | X01 | Văn, Toán, GDKT&PL |
| X CHƯƠNG TRÌNH VIỆT - NHẬT - https://vjiet.duytan.edu.vn | | | | | |
| 1 | 7480103 | Công nghệ Phần mềm | 102(VJJ) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 2 | 7510301 | Điện tử-Viễn thông | 109(VJJ) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 3 | 7520216 | Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa | 118(VJJ) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 4 | 7510205 | Công nghệ Kỹ thuật Ô tô | 117(VJJ) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 5 | 7580201 | Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp | 105(VJJ) | A00, A01, D01, C01, X06, X07 | |
| 6 | 7580101 | Kiến trúc Công trình | 107(VJJ) | V00, V01, V02, V06 | |
| 7 | 7210403 | Thiết kế Đồ họa | 111(VJJ) | A00, A01, D01, C01, C02, V01 | |
| 8 | 7540101 | Công nghệ Thực phẩm | 306(VJJ) | A00, B00, B03, C01, C02, A02 | |
| 9 | 7720301 | Điều dưỡng Đa khoa | 302(VJJ) | A00, B00, B03, A02, D08, D07 | |
| XI CHƯƠNG TRÌNH CTBC | | | | | |
| 1 | 7510301 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện, Điện tử có chuyên ngành: (Đạt kiểm định ABET) <i>Thiết kế Vi mạch Bán dẫn CTBC (Đài Loan-Trung Quốc)</i> | 127(CTBC) | A00, A01, D01, C01, C02, X26 | |
| 2 | 7510205 | Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô có chuyên ngành: <i>Công nghệ Kỹ thuật Ô tô CTBC (Đài Loan-Trung Quốc)</i> | 117(CTBC) | | |

Ghi chú:

- Thí sinh theo dõi Thông tin Tuyển sinh năm 2026 của Đại học Duy Tân trên Website.
- Ngành/Chuyên ngành mới.
(*) Các Ngành dự kiến mở trong năm 2026.

• CMU: Carnegie Mellon University
• PSU: Pennsylvania State University
• CSU: California State University
• PNU: Purdue Northwest University

• CTBC: University of Science and Technology
• HP: Chương trình Tài năng
• TROY: ĐẠI HỌC TROY
• VJJ: Chương trình Việt-Nhật

HỌC BỔNG

GẦN 2.000 SUẤT HỌC BỔNG VỚI TỔNG TRỊ GIÁ HƠN 65 TỶ ĐỒNG

CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN & QUỐC TẾ
65 SUẤT HƠN 8 TỶ ĐỒNG

CHƯƠNG TRÌNH TÀI NĂNG
180 SUẤT GẦN 17 TỶ ĐỒNG

CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO
20 SUẤT GẦN 3 TỶ ĐỒNG

ĐẠI HỌC TROY
50 SUẤT GẦN 7 TỶ ĐỒNG

▶ Giảm **30%** học phí cho tất cả thí sinh đăng ký vào học một trong các ngành **Xây dựng, Kiến trúc, Môi trường, Công nghệ Sinh học.**
 ▶ Giảm **20%** học phí cho tất cả thí sinh đăng ký vào học một trong các ngành **Xây dựng, Kiến trúc** chuẩn CSU.
 ▶ Giảm **30% đến 70%** học phí năm đầu tiên dành cho các thí sinh có giải Nhất, Nhì, Ba cấp Tỉnh, Thành phố.

<https://www.duytan.edu.vn> | <https://tuyensinh.duytan.edu.vn> | <https://nhungdieucanbiet.edu.vn> | <https://luyenthi.duytan.edu.vn> | Email: tuyensinh@duytan.edu.vn

📍 Cơ sở 1: 254 Nguyễn Văn Linh, P. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

📍 Cơ sở 2: 137 Nguyễn Văn Linh, P. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

📍 Cơ sở 3: 03 Quang Trung, P. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

📍 Cơ sở 4: 3.5 ha, 120 Hoàng Minh Thảo, P. Hòa Khánh, Tp. Đà Nẵng

📍 Cơ sở 5: 59 Hà Bồng, P. Sơn Trà, Tp. Đà Nẵng

📍 Cơ sở 6: 2.1 ha số 02 Phan Hành Sơn, P. Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

Tel.: (0236) 3 653561 - 3 650403 - 3 827111

Fax: (0236) 3 650443 - Facebook: [tuyensinhDTU](https://www.facebook.com/tuyensinhDTU)

Email: tuyensinh@duytan.edu.vn

Hotline: 1900.2252 - 0905.294390 - 0905.294391

Ghi chú:

(*) Ngành mới dự kiến tuyển sinh năm 2026

CMU: Carnegie Mellon University; PSU: Pennsylvania State University; CSU: California State University; PNU: Purdue Northwest University

HP: Chương trình Tài năng; VJJ: Chương trình Việt Nhật; TROY: Chương trình Du học tại chỗ lấy bằng ĐH Troy (Mỹ).

+ Chương trình Liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Mỹ, Anh, Canada

* **Ghi chú:** Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.

Xếp hạng Ngành nghề trên Bảng Xếp hạng Times Higher Education (THE) năm 2026:

- Khoa học Máy tính: Top 501-600 thế giới.
- Kỹ thuật - Công nghệ: Top 301-400 thế giới.
- Kinh doanh & Kinh tế: Top 601-800 thế giới.
- Khoa học Xã hội, Y tế - Sức khỏe: Top 401-500 thế giới.
- Khoa học Vật lý: Top 251-300 thế giới.
- Khoa học Sự sống: Top 301-400 thế giới.

Xếp hạng Ngành nghề trên Bảng Xếp hạng QS World University Rankings 2026:

- Quản trị Du lịch & Giải trí (hạng 41)
- Kiến trúc & Môi trường Xây dựng (hạng 101-150), duy nhất ở Việt Nam
- Khoa học Máy tính & Hệ thống Thông tin (hạng 101-150)
- Khoa học Môi trường (hạng 101-150)
- Kỹ thuật - Xây dựng & Kết cấu (hạng 201-275).
- Dược & Dược lý (hạng 301-350), duy nhất ở Việt Nam
- Kỹ thuật Điện - Điện tử (hạng 251-300)
- Kinh tế học & Kinh tế lượng (hạng 351-400).
- Y học (hạng 551-600)
- Vật lý & Thiên văn học (hạng 201-250).

- Hóa học (hạng 301-350).
- Khoa học Vật liệu (hạng 301-350).
- Kỹ thuật Cơ khí, Hàng không & Sản xuất (hạng 251-300)

V. ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Phương thức Xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và Kết quả kỳ thi V-SAT

a) Điểm xét tuyển

- Đối với các ngành chung:

Điểm Xét tuyển = Điểm thi môn 1 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- Đối với ngành Kiến trúc:

Điểm Xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm thi Vẽ Mỹ thuật + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- Đối với ngành Thanh nhạc:

Điểm Xét tuyển = Điểm thi môn Văn + Điểm thi Năng khiếu 1 + Điểm thi Năng khiếu 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

b) Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển đảm bảo chất lượng

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), Trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ Văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu **15,00/30**, áp dụng đối với thí sinh sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;
- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và pháp luật, ngưỡng đầu vào do Bộ GDĐT công bố theo quy chế tuyển sinh quy định;
- Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh theo quy định hiện hành của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy do Bộ GDĐT ban hành;
- Nguyên tắc xét tuyển chung là: Lấy thí sinh có điểm xét tuyển từ cao trở xuống cho đủ chỉ tiêu đã xác định theo ngành. Trường hợp bằng điểm sử dụng tiêu chí phụ để xét tuyển.

2. Phương thức Xét Kết quả Học tập THPT: Theo tổng điểm trung bình 3 môn của năm lớp 10, lớp 11, và lớp 12.

a) Về điểm xét tuyển kết quả học bạ theo tổ hợp môn xét tuyển

- Đối với các ngành chung:

Điểm Xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng)

- Đối với ngành Kiến trúc:

Điểm Xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm thi Vẽ Mỹ thuật + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

- Đối với ngành Thanh nhạc:

Điểm Xét tuyển = Điểm môn Văn + Điểm thi Năng khiếu 1 + Điểm thi Năng khiếu 2 + Điểm cộng + Điểm ưu tiên (theo khu vực và đối tượng).

b) Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển đảm bảo chất lượng

- Thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT), Trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Đối với tất cả các ngành ngoại trừ các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và pháp luật: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ Văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu **15,00/30**, áp dụng đối với thí sinh sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026;
- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật, và lĩnh vực sức khỏe, thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào cụ thể như sau:
 - + *Đối với các ngành thuộc lĩnh vực pháp luật:* Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 kì năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt **18,00** điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ **8,50** trở lên.
 - + *Đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề:*
 - *Đối với ngành Y khoa, Răng-Hàm-Mặt, Dược:* Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 20,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên theo thang điểm 10;
 - *Đối với ngành Điều Dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:* Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức khá (học lực xếp từ loại khá trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 2 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT đạt 16,50 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (trung học nghề) từ 6,50 trở lên theo thang điểm 10.

- Nguyên tắc xét tuyển: Lấy thí sinh có kết quả thi cao trở xuống cho đủ chỉ tiêu đã xác định và không nhân hệ số điểm môn xét tuyển trước khi xây dựng biên bản điểm trúng tuyển. Trường hợp thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau thì dựa vào môn thi chính làm điều kiện xét chọn.

3. Xét kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM

Xét tuyển tất cả các ngành ngoại trừ ngành Kiến trúc, Thanh nhạc.

Điều kiện và nguyên tắc xét tuyển đảm bảo chất lượng: Như mục 2.b nêu trên

4. Đối với các chương trình Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ và liên kết đào tạo với nước ngoài: Thí sinh đủ điều kiện xét tuyển khi đã tốt nghiệp THPT và đảm bảo các điều kiện về trình độ Tiếng Anh.

5. Điểm cộng và điểm ưu tiên xét tuyển:

Xem chi tiết [Tại đây](#).

6. Quy định mức quy đổi điểm IELTS

| | | | | | |
|--------------|-----|-----|-----|-----|-------------|
| Điểm IELTS | 5.5 | 6.0 | 6.5 | 7.0 | 7.5 trở lên |
| Điểm quy đổi | 8.0 | 8.5 | 9.0 | 9.5 | 10 |

Trường hợp thí sinh có các chứng chỉ tiếng Anh TOEIC, TOEFL, VSTEP, ... theo quy định của Thông tư 24/2024/TT-BGDĐT (Cập nhật quy chế thi tốt nghiệp THPT năm 2026 nếu có) được quy đổi về thang điểm IELTS để xét điểm quy đổi

VI. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

1. Phương thức xét tuyển thẳng: Nhận hồ sơ từ ngày ra thông báo đến ngày **30/06/2026**.

2. Các phương thức còn lại: Thí sinh đăng kí trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy chế tuyển sinh đại học đúng thời gian quy định.

3. Thời gian nhận Hồ sơ Đăng ký thi tuyển môn Năng khiếu tại Đại học Duy Tân:

a. Thi môn Năng khiếu Vẽ Mỹ thuật

- Hình thức thi: Thi tập trung, trên giấy.

Thời gian thực hiện:

+ Đợt 1: Hạn cuối thí sinh nộp hồ sơ dự thi đến 17h00, ngày 10/04/2026; Tổ chức thi ngày 19/04/2026 (Chủ Nhật).

+ Đợt 2: Hạn cuối thí sinh nộp hồ sơ đến 17h00, ngày 12/06/2026. Thi môn năng khiếu, Vẽ Mỹ thuật ngày 21/06/2026 (Chủ Nhật).

+ Thí sinh đăng ký dự thi môn Vẽ Mỹ thuật: [Tại đây](#).

b. Môn Năng khiếu xét tuyển ngành Thanh nhạc gồm môn Kiến thức âm nhạc tổng hợp và môn Chuyên ngành

- Hình thức thi: Thi tập trung, Vấn đáp.

- Đợt 1: Thời gian thực hiện: Hạn cuối thí sinh nộp hồ sơ đến 17h00, ngày 12/06/2026. Thi môn năng khiếu ngày 21/06/2026 (Chủ Nhật).

- Đợt 2: Xét tuyển bổ sung (nếu có) thực hiện theo Thông báo tuyển sinh năm 2026.

+ Thí sinh đăng ký dự thi môn Năng khiếu ngành Thanh nhạc: [Tại đây](#).

Lệ phí thi môn năng khiếu: 300.000 đ/Môn thi

VII. THỜI GIAN NHẬP HỌC

Theo thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

VII. HỒ SƠ NHẬP HỌC

1. Bản chính Giấy báo Trúng tuyển nhập học (do ĐH Duy Tân cấp);
2. Bản chính Giấy chứng nhận kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2026;
3. 01 bản sao công chứng Học bạ THPT;
4. 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT nếu đã tốt nghiệp trước năm 2025;
5. 01 bản sao Giấy khai sinh;
6. Bản sao các giấy tờ xác nhận đối tượng và khu vực ưu tiên (nếu có) như giấy chứng nhận con liệt sĩ, thẻ thương binh hoặc được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của cha mẹ, giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên khác...;
7. Bản sao các giấy Chứng nhận học sinh giỏi, đạt giải cuộc thi Khoa học Kỹ thuật,...(nếu có);
8. Bản sao chứng chỉ tiếng Anh IELTS, TOEIC, TOEFL IBT, TOEFL ITP, Chứng chỉ tiếng Trung HSK, Chứng chỉ tiếng Hàn TOPIK (nếu có);
9. Bản sao Giấy xác nhận đăng ký nghĩa vụ quân sự đối với Nam giới còn trong độ tuổi do cơ quan quân sự tại địa phương cấp.

VIII. HỌC BỔNG

Chi tiết các loại Học bổng, xem tại: <https://duytan.edu.vn/tuyen-sinh/Page/Scholarship.aspx>

Mọi thông tin về Tuyển sinh, thí sinh có thể tìm hiểu chi tiết tại: <https://tuyensinh.duytan.edu.vn> hoặc liên hệ trực tiếp:

Ban Tư vấn Tuyển sinh Đại học Duy Tân, 254 Nguyễn Văn Linh, Phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (0236) 3650.403 - 3827.111 - 2243.775 - Fax: (0236) 3650.443

Số điện thoại đường dây nóng: 1900.2252 - 0905.294.390 - 0905.294.391

Facebook: [tuyensinhDTU](#); Zalo: 0905.294.390 - 0905.294.391

Zalo OA: [Đại học Duy Tân](#)

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**TAGS**

[ĐH Duy Tân](#) [Đại học Duy Tân](#) [Tuyển sinh Đại học Duy Tân](#) [tuyển sinh dtu 2026](#) [thông tin tuyển sinh đại học 2026](#)

BÀI VIẾT KHÁC

- » [Đào tạo Công nghệ - Kỹ thuật DTU đạt chuẩn ABET với sự đồng hành của các nhà khoa học hàng đầu \(11/04/2026\)](#)
- » [Lần đầu tiên Việt Nam có ngành học vào Top 50 Thế giới \(31/03/2026\)](#)
- » [Môi trường học tập sáng tạo xây dựng Thương hiệu cá nhân cho sinh viên Kinh tế - Quản trị ở DTU \(25/03/2026\)](#)
- » [ĐH Duy Tân tuyển sinh ngành Luật và Luật Kinh tế năm 2026 \(07/03/2026\)](#)
- » [Đào tạo ngành Công nghệ Sinh học và Dược sĩ Đại học tích hợp các đồ án nghiên cứu \(09/02/2026\)](#)
- » [ĐH Duy Tân đào tạo các ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật Xét nghiệm và Kỹ thuật Y sinh \(03/02/2026\)](#)



Sitemap

A B C D E F G H I J K L M N O P Q R S T U V W X Y Z



Đào tạo, nghiên cứu gắn liền với khoa học và công nghệ nhằm tạo ra những sinh viên và học viên có lòng yêu nước, có phẩm chất nhân văn mang đậm bản sắc Việt Nam, có ý thức sinh hoạt cộng đồng, có sức khỏe, có năng lực và kỹ năng toàn diện, tự tin, năng động, sáng tạo và trở thành công dân khởi nghiệp mang tính toàn cầu.

**GIỚI THIỆU CHUNG**

- [Tổng quan về trường](#)
- [Lịch sử phát triển](#)
- [Hội đồng Đại học & Ban giám Đốc](#)
- [Thành tích đạt được](#)
- [Kiểm định chất lượng và xếp hạng](#)
- [Cơ sở vật chất](#)

TUYỂN SINH

- [Đại học chính quy](#)
- [Sau đại học](#)
- [Đại học từ xa](#)
- [Liên thông đại học](#)
- [Chương trình quốc tế](#)
- [Du học & Du học nước ngoài](#)
- [Ngành nghề đào tạo](#)

ĐỜI SỐNG SINH VIÊN

- [Hoạt động phong trào](#)
- [Trải nghiệm doanh nghiệp](#)
- [Câu lạc bộ](#)
- [Đoàn thanh niên - Hội sinh viên](#)

BAN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC DUY TÂN

254 Nguyễn Văn Linh - TP Đà Nẵng

Email: tuyensinh@duytan.edu.vn

Điện thoại: 02363.650403 - 02363.653561

Hotline: 0905.294.390 - 0905.294.391 - 1900.2252

